

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST

Ngày 20-01-2025

V/v yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Phi Hùng

Bà Hồ Lệ Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Mỹ Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 255/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2024/QĐXX-ST ngày 10 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Tú E; Sinh năm 1981

Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn: Ông Mai Thiên Thơ là Luật sư – Văn phòng Luật sư Mai Thiên Thơ – Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Lê Văn T; Sinh năm 1988

Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 13/9/2024 cũng như tại phiên tòa bà Đoàn Tú E và ông Mai Thiên Thơ cùng thống nhất trình bày:*

Bà Tú E và ông T đã được Tòa án nhân dân huyện Thới Bình giải quyết cho ly hôn tại Bản án số 74/2023/HNGĐ-ST ngày 07/4/2023. Về con chung giao các cháu Lê Ngọc Thùy D, sinh ngày 09/5/2009 và Lê Ngọc Bích T, sinh ngày 22/11/2016 cho bà Tú E tiếp tục nuôi dưỡng nhưng ông T không phải cấp dưỡng nuôi con vì tại phiên tòa bà Tú E không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn bà Tú E gặp khó khăn về kinh tế nên khởi kiện yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Lê Ngọc Bích T với mức cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng bà Tú E yêu cầu tính từ ngày 07/4/2023 đến khi cháu T đủ 18 tuổi là 132 tháng với tổng số tiền là 396.000.000 đồng.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định. Ông Thêm vắng mặt tại vụ án không có lý do nên thực hiện chưa đúng theo quy định.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập có tại hồ sơ vụ án cũng như quá trình thẩm tra tại phiên tòa có căn cứ cho rằng yêu cầu của bà Tú E yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Tú E. Buộc ông T cấp dưỡng nuôi cháu T theo quy định pháp luật. Án phí sơ thẩm đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Đoàn Tú E khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc cấp dưỡng nuôi con; Ông T có địa chỉ cư trú tại ấp 1, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Tú E thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội

đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa bà Tú E yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Lê Ngọc Bích T, sinh ngày 22/11/2016 với mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng x 132 tháng (kể từ ngày 07/4/2023 đến khi cháu T đủ 18 tuổi) với tổng số tiền là 396.000.000 đồng.

Xét thấy việc yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Lê Ngọc Bích T của bà Tú E cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Tú E là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật. Bởi vì việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung chưa thành niên và tại bản án số 74/2023/HNGĐ-ST ngày 07/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình quyết định giao cháu T cho bà Tú E nuôi dạy nên ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T khi bà Tú E yêu cầu.

Tuy nhiên việc bà Tú E yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ ngày 07/4/2023 là ngày Tòa án nhân dân huyện Thới Bình giải quyết giao cháu T cho bà Tú E nuôi dạy đến khi cháu T đủ 18 tuổi với tổng số tiền 396.000.000 đồng là chưa phù hợp. Bởi vì, tại bản án số 74/2023/HNGĐ-ST ngày 07/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình giải quyết thì bà Tú E không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Theo quy định của pháp luật thì thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm vì vậy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Tú E về thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 07/4/2023. Quá trình giải quyết vụ án bà Tú E cho rằng ông T là thợ sơn nên bà yêu cầu ông T cấp dưỡng với mức 3.000.000 đồng/tháng nhưng bà Tú E không chứng minh được ông T có mức thu nhập thực tế ổn định là bao nhiêu và việc cấp dưỡng một lần có đảm bảo được điều kiện thực hiện của ông T. Đồng thời tại phiên tòa bà Tú E cho rằng khi ông bà chung sống với nhau thì hàng tháng ông T giao bà Tú E 9.000.000 đồng để lo chi phí sinh hoạt gia đình nhưng bà Tú E cũng thừa nhận nghề nghiệp thợ sơn của ông T không ổn định. Riêng ông T tuy không có văn bản ý kiến về yêu cầu cấp dưỡng của bà Tú E nhưng tại biên bản hòa giải ngày 11/12/2023 khi giải quyết vụ án ly hôn của ông bà thì ông T thống nhất cấp dưỡng nuôi cháu T 900.000 đồng/tháng đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Xét thấy mức cấp dưỡng 900.000 đồng theo ý kiến của ông T là thấp so với nhu cầu thiết yếu của cháu T và không phù

hợp với quy định pháp luật. Theo Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động thì mức lương tối thiểu vùng được tính tại nơi bà Tú E, ông T đang cư trú là 3.450.000 đồng/tháng. Vì vậy cần buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T với số tiền 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp với khả năng thực tế của ông T, cũng như đảm bảo nhu cầu thiết yếu để bà Tú E nuôi cháu T.

Đối với con chung của bà Tú E và ông Thêm là cháu Lê Ngọc Thùy D, sinh ngày 09/5/2009 do bà Tú E không có yêu cầu ông T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí – Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 81, 82, 83, 110, 116, 119 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Tú E về việc yêu cầu ông Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Lê Ngọc Bích T.

Buộc ông Lê Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Ngọc Bích T, sinh ngày 22/12/2016 (giới tính nữ) số tiền 2.000.000/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/01/2025) đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bà Đoàn Tú E (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Lê Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí cấp dưỡng: Ông Lê Văn T phải nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Bà Đoàn Tú E không phải nộp án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Phi Hùng – Hồ Lệ Hoa

Nguyễn Kiều Trang